

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm và hạng viên chức tối thiểu của từng vị trí việc làm của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa tại Tờ trình số 14/TTr-CDNN ngày 30/6/2023, của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 514/TTr-SNV ngày 20/7/2023 và Báo cáo số 604/BC-SNV ngày 18/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục 34 vị trí việc làm và hạng viên chức tối thiểu từng vị trí việc làm của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa.

(Có Danh mục vị trí việc làm và hạng viên chức tối thiểu từng vị trí việc làm của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa kèm theo).

Điều 2. Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa căn cứ Danh mục vị trí việc làm và hạng viên chức tối thiểu từng vị trí việc làm được phê duyệt có trách nhiệm hoàn thiện các nội dung của Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức, gồm các nội dung sau:

1. Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục đã được UBND tỉnh phê duyệt; xác định số lượng người làm việc theo từng vị trí việc làm bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức, lao động hợp đồng theo vị trí việc làm và hạng viên chức tối thiểu từng vị trí việc làm đã được phê duyệt.

3. Báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) điều chỉnh, bổ sung danh mục vị trí việc làm khi có thay đổi chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức hoặc khi có sự thay đổi về quy định tại các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HẠNG VIÊN CHỨC TỐI THIỂU TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Vị trí việc làm	Hạng viên chức tối thiểu
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	
1	Chủ tịch Hội đồng trường	Giảng viên chính (V.09.02.02)
2	Hiệu trưởng	Giảng viên chính (V.09.02.02)
3	Phó Hiệu trưởng	Giảng viên (V.09.02.03) Giảng viên (V.09.02.04)
4	Trưởng khoa	Giảng viên (V.09.02.03) Giảng viên (V.09.02.04)
5	Phó Trưởng khoa	Giảng viên (V.09.02.03) Giảng viên (V.09.02.04)
6	Trưởng phòng	Giảng viên (V.09.02.03) Giảng viên (V.09.02.04) Chuyên viên (01.003)
7	Phó Trưởng phòng	Giảng viên (V.09.02.03) Giảng viên (V.09.02.04) Chuyên viên (01.003)
8	Trưởng Bộ môn	Giảng viên (V.09.02.03) Giảng viên (V.09.02.04) Giáo viên (V.07.05.15)
9	Phó Bộ môn	Giảng viên (V.09.02.03) Giảng viên (V.09.02.04) Giáo viên (V.07.05.15)
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	
1	Giảng viên	Giảng viên (V.09.02.03) Giảng viên (V.09.02.04)
2	Giáo viên	Giáo viên (V.09.02.07) Giáo viên (V.09.02.08) Giáo viên (V.07.05.15)
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	
1	Tổ chức nhân sự	Giảng viên (V.09.02.03) Giáo viên (V.07.05.15) Chuyên viên (01.003)
2	Hành chính tổng hợp	Giảng viên (V.09.02.03) Giáo viên (V.07.05.15) Chuyên viên (01.003)
3	Văn thư viên	Văn thư viên (02.007)
4	Quản lý Đào tạo	Giảng viên (V.09.02.03)

		Chuyên viên (01.003)
5	Quản lý thiết bị và vật tư	Giảng viên (V.09.02.03) Chuyên viên (01.003)
6	Công tác Học sinh - sinh viên	Giảng viên (V.09.02.03) Chuyên viên (01.003)
7	Tuyển sinh và tư vấn hướng nghiệp	Giảng viên (V.09.02.03) Chuyên viên (01.003)
8	Thư viện	Thư viện viên (V.10.02.07)
9	Kế toán trưởng	Kế toán viên (06.031)
10	Kế toán viên	Kế toán viên (06.031)
11	Kế hoạch	Giảng viên (V.09.02.03) Chuyên viên (01.003)
12	Thủ quỹ	Cán sự (01.004)
13	Quản lý Khoa học	Giảng viên (V.09.02.03) Chuyên viên (01.003)
14	Hợp tác quốc tế	Giảng viên (V.09.02.03) Chuyên viên (01.003)
15	Quản trị mạng và Website	Chuyên viên (01.003)
16	Thông tin, truyền thông	Giảng viên (V.09.02.03) Chuyên viên (01.003)
17	Thanh tra và kiểm định chất lượng đào tạo	Giảng viên (V.09.02.03) Chuyên viên (01.003)
18	Khảo thí	Giảng viên (V.09.02.03) Chuyên viên (01.003)
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	
1	Nhân viên phục vụ	Nhân viên (01.005)
2	Nhân viên Lái xe	Nhân viên (01.005)
3	Nhân viên kỹ thuật	Kỹ thuật viên (V.05.02.08)
4	Nhân viên Y tế học đường	Y sĩ (V.08.03.07)
5	Nhân viên Bảo vệ	Nhân viên (01.005)